TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI
ỦY BAN THẨM PHÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 102/2017/DS-GĐT
Ngày 05 tháng 10 năm 2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có 11 thành viên tham gia xét xử; do ông Ngô Tiến Hùng – Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội làm Chủ tọa phiên tòa theo sự ủy nhiệm của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bảo Thoa - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hữu - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 05 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa giám đốc thẩm để xét xử vụ án "Tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Đình T1, sinh năm 1950; trú tại: Thôn H, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Lê Đình H1, sinh năm 1958; trú tại: Số nhà 63 phố T, phường Y, quận H, Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1931; trú tại: Xã B, huyện T, Hà Nội;
2. NLQ2, sinh năm 1952;
3. NLQ3, sinh năm 1985;
4. NLQ4, sinh năm 1987;
5. NLQ5, sinh năm 1990

Đều trú tại: Thôn C, xã B, huyện T, Hà Nội.

6. NLQ6, sinh năm 1979;
7. NLQ7, sinh năm 1982;

Đều trú tại: Thôn H, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội.

8. NLQ8, sinh năm 1959; trú tại: Số nhà 63 phố T, phường Y, quận H, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/4/2014 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là ông Lê Đình T1 trình bày:

Năm 1990, vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Đức T2 02 thửa đất số 534 và số 535 (theo Bản đồ năm 1939) nay là thửa số 21 và thửa số 33 có tổng diện tích là 813m^2 đất tại thôn H, xã H, huyện T, Hà Nội, trong đó có 158m^2 đất thuộc thửa đất số 21 đang tranh chấp.

Năm 1993, ông được Uỷ ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất nói trên bao gồm 02 thửa số 21 Tờ bản đồ số 01 diện tích 651m^2 và thửa số 33 Tờ bản đồ số 01 diện tích 162m^2. Năm 1994 ông xây tường bao xung quanh 2 thửa đất, nhà cấp bốn 5 gian, cải tạo đất, trồng cây ăn quả và chăn nuôi gia cầm.

Năm 1999, ông cho ông Lê Đình H1 (là em của ông) mượn 5 gian nhà cấp bốn và một phần diện tích đất thuộc thửa số 21 để làm xưởng mộc, nhưng không làm giấy tờ. Tháng 6/2001, vợ ông là bà N mất, các đồng thừa kế của vợ ông đã giao cho ông được quyền định đoạt đối với phần di sản của vợ ông để lại.

Tháng 11/2012, ông yêu cầu ông H1 trả lại nhà đất, nhưng ông H1 chỉ trả lại nhà 5 gian, không trả đất. Sau đó, ông H1 tự ý xây dựng nhà mái tôn trên đất của ông, xây tường bao, làm hàng rào bao quanh diện tích đất này nên ông yêu cầu Uỷ ban nhân dân xã ngừng việc xây dựng của ông H1.

Hiện nay ông đang quản lý thửa đất số 15 Tờ bản đồ số 18 và vợ con ông Lê Đình H2 (là anh của ông và ông H1) sử dụng thửa đất số 17 Tờ bản đồ số 18. Hai thửa đất này có nguồn gốc là của vợ chồng cụ G (là chú của bố ông), năm 1965 vợ chồng cụ G cho bố mẹ ông thửa 17 trên đó có nhà 3 gian, còn thửa số 15 hai cụ để làm vườn. Năm 1976 vợ chồng cụ G chết, do hai cụ không có con nên gia đình ông (bố mẹ và các anh, chị em ông) sử dụng thửa đất trên.

Năm 1978, ông kết hôn với bà N và sử dụng thửa đất số 15 để trồng rau. Năm 1984, vợ chồng ông làm nhà trên thửa đất này, lúc này bố mẹ ông vẫn còn sống. Năm 1993, ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất này cùng diện tích đất vườn.

Năm 2004, ông được cấp đổi sổ mới đối với thửa đất số 15. Ông xác định không có việc họp gia đình để phân chia thửa đất số 15 và thửa số 17, đồng thời không đổi đất cho ông H1. Ông yêu cầu ông H1 tháo dỡ tài sản trên đất trả lại 158m^2 đất cho ông.

Bị đơn là ông Lê Đình H1 trình bày:

Thống nhất về quan hệ huyết thống và nguồn gốc thửa đất số 15, thửa đất số 17 như ông T1 trình bày. Ông H1 cho rằng tất cả anh em trong gia đình đều sử dụng thửa đất số 15 để trồng rau, không chỉ riêng ông T1. Quá trình sinh sống, bố mẹ ông xây dựng nhà 3 gian tại thửa số 17. Năm 1984 bố ông mất, năm 1986 mẹ ông mất, đều không để lại di chúc. Năm 1987, năm anh chị em trong gia đình đã họp thống nhất để nhà 3 gian làm nơi thờ cúng chung, diện tích còn lại của 02 thửa đất (thửa số 15 và số 17) chia đều cho 05 anh chị em, nhưng không nói rõ cụ thể diện tích được chia của mỗi người. Ông được bà H3, bà T3 (là chị của ông) cho ông phần đất mà các bà được chia tại thửa đất số 15, còn phần đất hai bà được chia ở thửa đất số 17 thì hai bà cho ông H2. Việc phân chia không lập thành văn bản.

Năm 2000, ông và ông T1 thống nhất thỏa thuận đổi phần đất ông và phần của hai chị được chia cho ông tại thửa đất số 15 cho ông T1, còn ông sử dụng một phần thửa đất vườn của ông T1. Việc đổi đất không lập thành văn bản. Lúc đó trên đất không có công trình xây dựng và không rõ diện tích cụ thể (sau này đo là 158m^2). Sau khi đổi đất, vợ chồng ông xây dựng nhà lợp tôn diện tích 30m^2, lán lợp bạt khoảng 50m^2 và làm hàng rào xung quanh toàn bộ diện tích đất ông T1 đã đổi cho ông.

Năm 2013, khi ông T1 xây lại nhà tại phần đất vườn thì ông cũng xây tường rào, nhưng Uỷ ban nhân dân xã lập biên bản yêu cầu ông dừng xây dựng nên ông không xây nữa.

Ông không đồng ý yêu cầu của ông T1 và xin nhận diện tích đất vườn bằng diện tích đất ông được chia và phần của hai chị cho ông tại thửa đất số 15.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn (là con của ông T1 và các thừa kế khác của bà N, vợ ông T1 gồm mẹ và các anh, chị em của bà N): Thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn: Thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông H1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2015/DSST ngày 19/5/2015, Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi quyền sử dụng đất của ông Lê Đình T1 đối với ông Lê Đình H1.

Xác nhận 158m^2 đất có trị giá 2.370.000.000đ thuộc thửa số 21 Tờ bản đồ số 01 tại thôn H, xã H, huyện T, Hà Nội là của ông Lê Đình T1.

Xác nhận ngôi nhà tường xây 110 có giá trị là 26.530.000đ; nhà cốt thép có diện tích 13,3m^2 có giá trị 5.558.000đ; nhà cốt thép diện tích 62,3m^2 có giá trị

64.605.000đ; sân láng xi măng có giá trị 2.239.000đ; tường rào gạch có giá trị 10.874.000đ; hàng rào tôn múi có giá trị 1.367.000đ; hàng rào gỗ có giá trị 24.684.000đ và công tôn tạo nền có giá trị 3.000.000đ là của ông Lê Đình H1.

Xác định công sức chăm nom duy trì thửa đất của ông H1 có giá trị 794.852.000đ.

Chia hiện vật cụ thể như sau:

Chia ông H1 sở hữu, quản lý, sử dụng 3m^2 nhà xây tường gạch 110, giá trị 3.921.000đ; 2,4m^2 nhà cột thép mái tôn (nhà nhỏ), giá trị 996.000đ; 2,6m^2 nhà cột thép mái tôn (nhà lớn) giá trị 2.696.000đ; 2,2m^2 sân láng xi măng giá trị 174.000đ; diện tích hàng rào tre gỗ diện tích 29,93m^2 trị giá 9.578.000đ; hàng rào tôn múi diện tích 6,303m^2 trị giá 230.000đ; tường rào diện tích 8,8285m^2 trị giá 3.375.000đ và công tôn tạo nền là 1.159.000đ trên diện tích 60,7m^2 trị giá 910.500.000đ về phía Đông phần đất ông H1 hiện đang quản lý, sử dụng thuộc thửa số 21 Tờ bản đồ số 01 tại thôn H, xã H, huyện T, Hà Nội. Tổng trị giá tài sản được chia là 931.470.000đ.

Ranh giới thửa đất cụ thể như sau: Cạnh phía Đông giáp phần đất ông T1 đã chuyển nhượng (chưa sang tên) dài 15,26m; cạnh phía Tây giáp đất ông T1 được chia dài 15,26m; cạnh phía Nam giáp đường làng dài 4m, cạnh phía Bắc dài 4m giáp đất ông T1.

Chia cho ông T1 sở hữu, quản lý, sử dụng 17,3m^2 nhà tường xây 110 trị giá 22.609.000đ; 11m^2 nhà cốt thép mái tôn trị giá 4.562.000đ; 59,7m^2 trị giá 61.909.000đ; 26,1m^2 giá trị 2.065.000đ sân láng xi măng; tường rào 19,6215m^2 giá trị 7.499.000đ; hàng rào tôn múi, gỗ diện tích 37,97m^2 giá trị 1.137.000đ; hàng rào gỗ diện tích 43,97m^2 trị giá 14.070.000đ và công tôn tạo nền là 1.841.000đ trên diện tích 97,3m^2 có giá trị 1.459.500.000đ về phía Nam phần đất ông H1 đang quản lý, sử dụng thuộc thửa số 21 Tờ bản đồ số 01 tại thôn H, xã H, huyện T, Hà Nội. Tổng giá trị tài sản là 1.575.148.000đ.

Ranh giới thửa đất cụ thể như sau: Cạnh phía Đông giáp phần đất ông H1 được chia dài 15,26m; cạnh phía Tây giáp đất ông T1 (sân nhà ông T1) có các đoạn gấp khúc 11,24m; 1,16m; 4,25m; cạnh phía Nam giáp đường làng có các đoạn gấp khúc 2,46m; 2,1m; 0,87m; 0,88m; cạnh phía Bắc dài 5,65m giáp đất ông T1.

Khi ông H1 tháo dỡ các công trình xây dựng phải đảm bảo các công trình còn lại vẫn sử dụng được.

Các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, về trách nhiệm do chậm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 29/5/2015, ông Lê Đình T1 có đơn kháng cáo.

Tại Quyết định số 01/QĐKNPT/VKSTT ngày 02/6/2015 Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội kháng nghị đối với bản án dân sự sơ thẩm nêu trên với nhận xét: Diện tích 158m^2 đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông T1, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1, buộc ông H1 trả lại toàn bộ cho ông T1 158m^2 đất thuộc thửa số 21 Tờ bản đồ số 01 xã H, huyện T, Hà Nội. Ông T1 có trách nhiệm hỗ trợ thanh toán giá trị công sức xây dựng các công trình trên đất và công tôn tạo đất cho ông Lê Đình H1 là 137.821.000đ.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 16/2016/DS-PT ngày 19/01/2016 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2015/DSST ngày 19/5/2015 của Tòa án nhân dân nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội, cụ thể:

Xác nhận 158m^2 đất có trị giá 2.370.000.000đ thuộc thửa số 21 Tờ bản đồ số 01 tại thôn H, xã H, huyện T, Hà Nội là của ông Lê Đình T1.

Xác nhận ngôi nhà tường xây 110 có giá trị là 26.530.000đ; nhà cốt thép có diện tích 13,3m^2 có giá trị 5.558.000đ; nhà cốt thép diện tích 62,3m^2 có giá trị 64.605.000đ; sân láng xi măng có giá trị 2.239.000đ; tường rào gạch có giá trị 10.874.000đ; hàng rào tôn múi có giá trị 1.367.000đ; hàng rào gỗ có giá trị 24.684.000đ và công tôn tạo nền có giá trị 3.000.000đ là của ông Lê Đình H1.

Xác định công sức chăm nom duy trì thửa đất của ông H1 có giá trị 794.852.000đ, được tính bằng hiện vật.

Giao ông H1 được sử dụng 60,7m^2 đất và sở hữu, quản lý 3m^2 nhà xây tường gạch 110; 2,4m^2 nhà cột thép mái tôn (nhà nhỏ); 2,6m^2 nhà cột thép mái tôn (nhà lớn); 2,2m^2 sân láng xi măng; diện tích hàng rào tre gỗ diện tích 29,93m^2; hàng rào tôn múi diện tích 6,303m^2; tường rào diện tích 8,8285m^2 trên đất và công tôn tạo nền; tổng giá trị là 910.500.000đ.

Ranh giới thửa đất được xác định theo sơ đồ bản vẽ, có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất ông T1 đã chuyển nhượng;
- Phía Tây giáp phần đất giao cho ông T1;
- Phía Bắc giáp đất nhà ông T1;
- Phía Nam giáp đường làng.

Giao ông T1 sử dụng 97,3m^2 đất và sở hữu, quản lý, sử dụng 17,3m^2 nhà tường xây 110 trị giá 22.609.000đ; nhà cốt thép mái tôn; sân láng xi măng,

tường rào; hàng rào mái tôn múi + gỗ, hàng rào gỗ và công tôn tạo nền. Tổng giá trị 1.459.500.000đ.

Ranh giới thửa đất được xác định theo sơ đồ bản vẽ, có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp phần đất giao cho ông H1;
- Phía Tây giáp sân nhà ông T1;
- Phía Bắc giáp đất nhà ông T1;
- Phía Nam giáp đường làng.

Các bên không phải thanh toán cho nhau giá trị tài sản trên đất.

Các bên có trách nhiệm tự mở lối đi ở phần đất của mình.

Các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án có hiệu lực pháp luật. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí.

Ngày 05/01/2017, ông Lê Đình T1 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 22/KNGĐT-VC1-DS ngày 01/6/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 16/2016/DSPT ngày 19/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm sửa bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông T1, buộc ông H1 phải trả lại đất và ông T1 được sử dụng tài sản trên đất nhưng phải hoàn giá trị cho ông H1.

Tại phiên toà giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 22/7/1990, ông Lê Đình T1 nhận chuyển nhượng 02 thửa đất số 534 và thửa đất số 535 (nay là thửa số 21 và 33 Tờ bản đồ số 1) tại thôn H, xã H, huyện T, Hà Nội có tổng diện tích là 813m^2 của vợ chồng ông Nguyễn Đức Tiến. Ngày 08/7/1993, ông T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên, trong đó có 158m^2 thuộc một phần thửa số 21 đang tranh chấp.

[2] Các bên đương sự đều thừa nhận diện tích đất ông H1 làm xưởng mộc và ông T1 đang tranh chấp là của ông T1 (ông H1 và ông T1 là anh em ruột). Ông H1 cho rằng bố mẹ ông được thừa hưởng 02 thửa đất là thửa đất số 15 và thửa đất số 17 tại thôn H, xã H, huyện T, Hà Nội của vợ chồng cụ Lê Đình Giai (là chú của bố

ông, hai cụ không có con và đều chết năm 1976). Bố mẹ ông chết đều không để lại di chúc. Năm 1987, năm anh chị em của ông đã họp phân chia 02 thửa đất trên thành 5 phần bằng nhau, nhưng không lập thành văn bản. Năm 2000 ông H1 đã thỏa thuận với ông T1 đổi phần đất ông H1 và phần của hai chị (là bà H3 và bà T3) được chia ở thửa số 15 cho ông T1 để lấy phần diện tích đất vườn đang tranh chấp, việc đổi đất không lập thành văn bản. Tuy nhiên, ông T1 không thừa nhận có việc gia đình họp phân chia đất và đổi đất cho ông H1 mà cho rằng năm 1999 ông cho ông H1 mượn để làm xưởng mộc.

Như vậy, căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, "Giấy nhượng quyền sử dụng đất thổ cư'' ngày 22/7/1990; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Đình T1 ngày 8/7/1993 có cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông T1. Ông H1 cho rằng ông đã thỏa thuận đổi đất với ông T1, nhưng ông H1 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh và ông T1 cũng không thừa nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định không có việc đổi đất để xác nhận diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông T1 là có căn cứ.

[3] Sau khi ông T1 đồng ý cho ông H1 sử dụng đất vườn để làm xưởng mộc, ông H1 đã xây nhà tôn, lán bạt, làm hàng rào, đổ đất, tôn nền và láng xi măng. Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 cũng thừa nhận ông H1 có đổ đất và láng nền xi măng nhưng không nhiều vì trước đó ông cũng đã đổ đất gần hết diện tích. Sau đó, tại đơn kháng cáo và phiên tòa phúc thẩm, ông T1 không thừa nhận công sức duy trì, quản lý đất của ông H1 và không đồng ý việc chia công sức cho ông H1 bằng hiện vật, nếu phải bồi thường ông T1 sẽ hỗ trợ một phần bằng tiền. Như vậy, ông H1 chỉ có một phần công sức trong việc tôn tạo làm tăng giá trị đất, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm tính công sức cho ông H1 được hưởng hiện vật bằng 60,7m^2 là có lợi cho ông H1. Tuy nhiên, do ông T1 và ông H1 là anh em trong gia đình và gia đình ông T1 đã xây nhà ở ổn định trên thửa đất số 15, đồng thời ông T1 cũng thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 15 là của cha ông để lại (khi đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Bà Lê Thị Thêm, bà Lê Thị Hồng đều khẳng định có việc phân chia nhà đất trong gia đình như ông H1 trình bày và không có tranh chấp với phần diện tích đất này, bà T3 có chứng kiến việc đổi đất giữa ông H1 với ông T1. Trong khi đó, ông H1 chỉ sử dụng một phần đất của thửa số 21 ổn định từ năm 1999 và là chỗ làm kiếm sống mang lại nguồn thu nhập chính cho gia đình ông H1, phần diện tích còn lại gia đình ông T1 vẫn quản lý, sử dụng trồng cây và đóng thuế đầy đủ đối với nhà nước. Tại Biên bản về việc giao, nhận tài sản thi hành án ngày 27/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội thể hiện các bên đương sự đã tự nguyện thi hành án, ông H1 đã nhận đủ diện tích mốc giới đất và các tài sản gắn liền với đất theo quyết định của Bản án dân sự phúc thẩm số 16/2016/DSPT ngày 19/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm quyết định cho ông H1 được hưởng công sức quản lý duy trì sử dụng đất bằng

hiện vật là có tình, có lý nên việc kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là không cần thiết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 337, khoản 1 Điều 343 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 22/KNGĐT-VC1-DS ngày 01/6/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2.Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 16/2016/DSPT ngày 19/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về vụ án "Tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn là ông Lê Đình T1 với bị đơn là ông Lê Đình H1; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7 và NLQ8.

Nơi nhận:
- Chánh án TACC tại Hà Nội (để báo cáo);
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp Hà Nội;
- TAND huyện T, tp Hà Nội(02 bản kèm hồ sơ vụ án);
- Chi cục THADS huyện T, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Phòng HCTP-VP; HSGĐT.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Tiến Hùng